

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Cúc	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên
Ông Andy Ho	Thành viên
Ông Phạm Quốc Công	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)

Ban Giám đốc

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Cúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Số: 276 /YNA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các Công ty con (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 3 năm 2016, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán với báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2015 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 01 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'N' and 'T'.

Nguyễn Trọng Thế
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2649-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015		31/12/2014	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.265.184.856.056		1.817.347.382.578	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		37.884.639.212		37.706.071.196	
1. Tiền	111	5	37.884.639.212		37.706.071.196	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	65.000.000		65.000.000	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		65.000.000		65.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.171.239.844		71.969.484.744	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	29.214.405.782		43.282.823.370	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.292.551.705		16.213.997.161	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.138.613.714		19.358.762.187	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(35.327.600)		(7.787.546.259)	
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	560.996.243		901.448.285	
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.135.224.563.617		1.672.014.861.001	
1. Hàng tồn kho	141		2.135.224.563.617		1.672.014.861.001	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.839.413.383		35.591.965.637	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	43.731.216.274		27.279.143.455	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-		3.659.558.376	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	1.108.197.109		4.653.263.806	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		710.104.580.011		1.011.324.758.771	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.217.170.462		13.588.573.996	
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	21.217.170.462		13.588.573.996	
II. Tài sản cố định	220		486.102.562.173		451.729.266.255	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	193.732.606.001		160.479.587.999	
- Nguyên giá	222		326.471.653.080		265.520.614.214	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(132.739.047.079)		(105.041.026.215)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	292.369.956.172		291.249.678.256	
- Nguyên giá	228		295.745.366.571		293.121.956.571	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.375.410.399)		(1.872.278.315)	
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.279.408.722		739.090.200	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	6.279.408.722		739.090.200	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		166.666.261.924		531.799.217.588	
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	81.974.511.924		81.456.342.588	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	395.271.613.400		460.651.988.400	
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(310.579.863.400)		(10.309.113.400)	
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.839.176.730		13.468.610.732	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	27.342.224.660		12.547.147.880	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	2.496.952.070		921.462.852	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.975.289.436.067		2.828.672.141.349	

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.580.939.890.550	1.532.149.329.780
I. Nợ ngắn hạn	310		1.501.707.663.181	1.394.564.947.680
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	191.247.911.541	143.580.370.644
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.139.296.256	10.577.252.253
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	30.738.737.942	45.893.557.644
4. Phải trả người lao động	314		17.885.744.572	27.640.951.586
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.022.483.042	7.218.467.510
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	29.031.191.004	20.701.786.581
7. Vay ngắn hạn	320	21	1.189.260.458.896	1.131.686.128.041
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.381.839.928	7.266.433.421
II. Nợ dài hạn	330		79.232.227.369	137.584.382.100
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	403.668.000	455.382.100
2. Vay dài hạn	338	22	72.388.000.000	137.129.000.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	6.440.559.369	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.394.349.545.517	1.296.522.811.569
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	1.394.349.545.517	1.296.522.811.569
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		982.745.770.000	755.970.350.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		982.745.770.000	755.970.350.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	105.021.650.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(7.090.000)	(7.090.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		219.647.610.783	232.805.050.783
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		191.963.254.734	202.732.850.786
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		39.660.441.986	37.575.928.291
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này	421b		152.302.812.748	165.156.922.495
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.975.289.436.067	2.828.672.141.349



Dương Quang Hải
Người lập biểu



Đặng Thị Lài
Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.741.445.592.122	9.297.810.872.565
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		33.092.915.485	98.592.775.013
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	7.708.352.676.637	9.199.218.097.552
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	6.537.985.006.949	8.309.982.541.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.170.367.669.688	889.235.555.914
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	1.327.860.382	18.739.496.430
7. Chi phí tài chính	22	31	430.803.003.461	90.254.654.225
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		81.048.729.469	79.682.197.799
8. Chi phí bán hàng	25	32	423.930.312.468	354.954.031.945
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	117.548.223.185	129.618.733.552
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		199.413.990.956	333.147.632.622
11. Thu nhập khác	31		1.626.760.778	2.661.863.738
12. Chi phí khác	32		4.235.541.568	1.579.562.479
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.608.780.790)	1.082.301.259
14. Phần lãi trong công ty liên kết	45	16	518.169.336	803.613.002
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		197.323.379.502	335.033.546.883
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	46.596.055.972	79.455.050.132
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18	(1.575.489.218)	(293.307.944)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		152.302.812.748	255.871.804.695
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	61		-	13.376.498.721
- Cổ đông của Công ty mẹ	62		152.302.812.748	242.495.305.974
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.347	2.144

Dương Quang Hải
Người lập biểu

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	197.323.379.502	335.033.546.883
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	30.451.035.779	31.011.683.393
Các khoản dự phòng	03	292.518.531.341	468.396.300
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	286.018.688	-
Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	38.178.084.255	(16.087.701.495)
Chi phí lãi vay	06	81.048.729.469	79.682.197.799
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	639.805.779.034	430.108.122.880
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	31.791.940.883	(21.705.446.742)
Tăng hàng tồn kho	10	(463.209.702.616)	(627.182.836.856)
Tăng các khoản phải trả	11	65.513.478.444	76.335.837.103
Tăng chi phí trả trước	12	(31.247.149.599)	(6.200.444.610)
Tiền lãi vay đã trả	14	(80.553.486.249)	(79.682.197.799)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(67.771.689.466)	(79.187.348.685)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.624.506.660)	(45.574.805.295)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	73.704.663.771	(353.089.120.004)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(70.364.650.219)	(34.530.888.745)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	301.946.364	642.272.726
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	26.152.150.000	9.149.322.084
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	230.025.045	21.718.529.735
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(43.680.528.810)	(3.020.764.200)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.745.829.672.583	6.042.963.679.870
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.752.996.341.728)	(5.915.061.935.454)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.678.897.800)	(241.907.534.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(29.845.566.945)	(114.005.789.784)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	178.568.016	(470.115.673.988)
Tiền đầu năm	60	37.706.071.196	507.821.745.184
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	37.884.639.212	37.706.071.196




Dương Quang Hải
Người lập biểu



Đặng Thị Lài
Kế toán trưởng




Cao Phú Ngọc Dung
Tổng Giám đốc
Ngày 01 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (gọi tắt là "Công ty mẹ") là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300521758 cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.274 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.494 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty mẹ có trụ sở chính tại số 170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm chín mươi bốn (194) cửa hàng tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các công ty con, công ty liên kết của Công ty bao gồm:

- Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO- Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ- Công ty con
- Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á- Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 41 chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam. Trong đó, một số chi nhánh lớn bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Biên Hòa
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận tại Thành phố Huế
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Vĩnh Long
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Nha Trang
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Tây Nguyên

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty mẹ chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc và các chi phí liên quan đến các khoản đầu tư. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Khoản dự phòng này được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành,



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế tài sản

Một khoản thuế được xem là thuế hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuế hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao vì quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng lâu dài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cho mục đích phục vụ việc bán hàng được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm quyền sử dụng đất và chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng trung tâm thương mại phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

- Chi phí thuê trả trước bao gồm chi phí thuê đất và thuê cửa hàng trả trước nhiều năm theo các hợp đồng thuê hoạt động và được phân bổ theo thời gian thuê;
- Công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trên 1 năm có giá trị lớn; và
- Chi phí khác được phân bổ từ 02 đến 03 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn tài trợ vốn cho các dự án. Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào các chi phí phát sinh trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

1500-
NHÀ
ING T
HIỆM
LOIT
T N
TP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÀU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

202
VH
Y
JON
TE
M
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	25.879.052.458	29.251.327.486
Tiền gửi ngân hàng	9.926.639.754	6.653.427.710
Tiền đang chuyển	2.078.947.000	1.801.316.000
	<u>37.884.639.212</u>	<u>37.706.071.196</u>

Khoản tương đương tiền tại 31 tháng 12 năm 2014 là vàng nguyên liệu có giá trị là 234.599.264.879 đồng, được phân loại lại sang khoản mục hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014-TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	65.000.000	-	65.000.000	65.000.000	-	65.000.000
Ngân hàng						
- Tiền gửi có kỳ hạn	65.000.000	-	65.000.000	65.000.000	-	65.000.000
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào đơn vị khác	395.271.613.400	(110.579.863.400)	84.691.750.000	460.651.988.400	(110.309.113.400)	450.342.875.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần	395.271.613.400	(110.579.863.400)	84.691.750.000	395.271.613.400	(110.309.113.400)	384.962.500.000
Đông Á ("ĐA") (*)						
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Miền	-	-	-	65.380.375.000	-	65.380.375.000
	<u>395.336.613.400</u>	<u>(110.579.863.400)</u>	<u>84.756.750.000</u>	<u>460.716.988.400</u>	<u>(110.309.113.400)</u>	<u>450.407.875.000</u>

Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty liên kết trong năm (Thuyết minh số 38).

(*) Vào ngày 14 tháng 8 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước đã quyết định đưa vào diện kiểm soát đặc biệt đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty đã trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Ngân hàng này đầy đủ và phù hợp với các qui định kế toán hiện hành tại ngày kết thúc năm tài chính.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty TNHH ToTal Gaz Vietnam	362.078.769	13.274.137.702
FH Trautz GmbH	6.531.852.825	4.084.326.480
Các khoản phải thu khách hàng khác	22.320.474.188	25.924.359.188
	<u>29.214.405.782</u>	<u>43.282.823.370</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÀ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
- Tam ứng cho nhân viên	1.050.979.825	644.633.055
- Phải thu khác	7.087.633.889	18.714.129.132
	8.138.613.714	19.358.762.187
b. Phải thu dài hạn khác		
- Ký quỹ dài hạn thuê cửa hàng	21.217.170.462	13.588.573.996
	21.217.170.462	13.588.573.996

9. TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng	VND Giá trị	Số lượng	VND Giá trị
Vàng (chí)	161,83	485.490.600	149,99	499.999.998
Tài sản khác		75.505.643		401.448.287
	161,83	560.996.243	149,99	901.448.285

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	9.502.592.792	608.973.823
Nguyên liệu, vật liệu	91.664.955.905	100.732.561.181
Công cụ, dụng cụ	20.813.328.324	19.923.350.233
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	131.664.308.110	147.201.507.351
Thành phẩm	134.240.935.308	129.280.128.300
Hàng hoá	1.736.881.061.410	1.258.766.029.857
Hàng gửi bán	10.457.381.768	15.502.310.256
	2.135.224.563.617	1.672.014.861.001

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, hàng tồn kho với giá trị là 465.916.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 570.000.000.000 đồng) đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 21).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí thuê cửa hàng	4.854.961.022	3.361.387.270
- Chi phí công cụ và dụng cụ	32.298.885.139	15.041.864.775
- Các khoản khác	6.577.370.113	8.875.891.410
	43.731.216.274	27.279.143.455
b. Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí cải tạo văn phòng và cửa hàng	14.769.074.483	4.158.587.626
- Chi phí thuê cửa hàng	3.341.918.467	3.198.215.073
- Chi phí công cụ và dụng cụ	9.231.231.710	5.190.345.181
	27.342.224.660	12.547.147.880

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải thu/phải nợ trong năm	Số thực thu/ thực nợ trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng	4.525.720.813	(42.238.028.172)	38.595.803.733	883.496.374
- Thuế xuất nhập khẩu	53.542.993	(5.228.858.091)	5.363.199.865	187.884.767
- Thuế khác	74.000.000	(3.000.094.965)	2.962.910.933	36.815.968
	4.653.263.806	(50.466.981.228)	46.921.914.531	1.108.197.109
b. Các khoản phải trả				
- Thuế giá trị gia tăng	12.952.051.210	125.536.247.521	(119.661.326.281)	18.826.972.450
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.257.181.576	46.551.388.848	(67.771.689.466)	11.036.880.958
- Thuế thu nhập cá nhân	684.324.858	8.542.584.405	(8.352.024.729)	874.884.534
- Các loại thuế khác	-	523.721.605	(523.721.605)	-
	45.893.557.644	181.153.942.379	(196.308.762.081)	30.738.737.942

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	120.558.292.982	116.999.453.354	17.525.413.917	10.437.453.961	265.520.614.214
Tăng trong năm	4.888.027.522	34.843.593.288	17.925.929.887	4.543.371.000	62.200.921.697
Thanh lý	-	-	(704.949.195)	(544.933.636)	(1.249.882.831)
Tại ngày 31/12/2015	125.446.320.504	151.843.046.642	34.746.394.609	14.435.891.325	326.471.653.080
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	16.299.405.457	70.228.330.298	13.423.856.718	5.089.433.742	105.041.026.215
Khấu hao trong năm	5.306.503.177	15.318.148.789	7.299.515.685	1.023.736.044	28.947.903.695
Thanh lý	-	-	(704.949.195)	(544.933.636)	(1.249.882.831)
Tại ngày 31/12/2015	21.605.908.634	85.546.479.087	20.018.423.208	5.568.236.150	132.739.047.079
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	103.840.411.870	66.296.567.555	14.727.971.401	8.867.655.175	193.732.606.001
Tại ngày 01/01/2015	104.258.887.525	46.771.123.056	4.101.557.199	5.348.020.219	160.479.587.999

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 61.407.021.450 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 45.923.225.781 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	285.183.268.988	7.938.687.583	293.121.956.571
Tăng trong năm	2.623.410.000	-	2.623.410.000
Tại ngày 31/12/2015	<u>287.806.678.988</u>	<u>7.938.687.583</u>	<u>295.745.366.571</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	-	1.872.278.315	1.872.278.315
Khấu hao trong năm	-	1.503.132.084	1.503.132.084
Tại ngày 31/12/2015	-	<u>3.375.410.399</u>	<u>3.375.410.399</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	<u>287.806.678.988</u>	<u>4.563.277.184</u>	<u>292.369.956.172</u>
Tại ngày 01/01/2015	<u>285.183.268.988</u>	<u>6.066.409.268</u>	<u>291.249.678.256</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và 22, giá trị quyền sử dụng đất được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 ở các ngân hàng thương mại là 106.543.452.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 106.543.452.000 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.112.471.613 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 0 đồng).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Cửa hàng tại trung tâm thương mại Sunrise	5.540.318.522	-
Chi phí xây dựng cửa hàng	<u>739.090.200</u>	<u>739.090.200</u>
	<u>6.279.408.722</u>	<u>739.090.200</u>

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Đầu tư vào công ty liên kết	91.866.300.000	91.866.300.000
Phần lỗ phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	<u>(9.891.788.076)</u>	<u>(10.409.957.412)</u>
	<u>81.974.511.924</u>	<u>81.456.342.588</u>

Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á ("DAL") được thành lập tại thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001739 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2003 là 300.000.000.000 đồng. Tổng số vốn góp của Công ty là 91.866.300.000 đồng, tương ứng với 30,62% tổng vốn điều lệ. Hoạt động chính của DAL là cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng nhà cửa, cung cấp dịch vụ tư vấn và đại lý bất động sản, kinh doanh nhà và trang trí nội thất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết được trình bày như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tổng tài sản	1.191.136.152.238	1.128.023.303.265
Tổng công nợ	915.363.429.773	856.081.601.592
Tài sản thuần	275.772.722.465	271.941.701.673
Phần tài sản thuần của Công ty mẹ trong công ty liên kết	84.441.607.619	83.268.549.052

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu thuần	42.611.150.530	104.623.587.893
Lãi thuần	1.692.141.742	2.624.470.941
Lãi thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	518.169.336	803.613.002

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á ("DAB")	395.271.613.400	395.271.613.400
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn M&C	-	65.380.375.000
	395.271.613.400	460.651.988.400

Thông tin chi tiết về các công ty trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm 2015 (%)	Hoạt động chính
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á ("DAB")	Thành phố Hồ Chí Minh	7,69	7,69	Kinh doanh liên quan đến hoạt động tài chính, ngân hàng

18. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm trước.

Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác
VND

Tại ngày 01/01/2014	628.154.908
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	293.307.944
Tại ngày 31/12/2014	921.462.852
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.575.489.218
Tại ngày 31/12/2015	2.496.952.070

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
Công ty TNHH Forte Jewellery (HK)	13.580.648.775	13.580.648.775	18.437.084.070	18.437.084.070
Công ty TNHH Sherenuj Fareast	12.596.607.000	12.596.607.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	165.070.655.766	165.070.655.766	125.143.286.574	125.143.286.574
	191.247.911.541	191.247.911.541	143.580.370.644	143.580.370.644

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Ngắn hạn	29.031.191.004	20.701.786.581
- Tài sản thừa chờ giải quyết	666.637.223	-
- Kinh phí công đoàn	2.679.311.205	4.912.336.783
- Bảo hiểm xã hội	8.131.384	-
- Bảo hiểm y tế	309.565	198.471.280
- Bảo hiểm thất nghiệp	615.766	272.373.838
- Phải trả quỹ Hội đồng Quản trị	803.029.644	804.402.000
- Phải trả quỹ Ban Giám đốc	6.071.220.092	6.653.120.092
- Phải trả quỹ công đoàn	4.241.530.139	4.276.739.004
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.318.214.645	18.824.540
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.242.191.341	3.565.519.044
b. Dài hạn	403.668.000	455.382.100
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	403.668.000	455.382.100
	29.434.859.004	21.157.168.681

21. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	VND	Số có khả năng trả nợ
Nhà hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	288.300.000.000	208.300.000.000	210.000.000.000	(418.300.000.000)	-	-
Nhà hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	128.453.326.647	128.453.326.647	382.300.577.691	(499.613.904.378)	31.000.000.000	31.000.000.000
Nhà hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	122.893.085.681	122.893.085.681	745.451.352.007	(588.396.789.833)	279.947.647.855	279.947.647.855
Nhà hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	90.000.000.000	90.000.000.000	458.000.000.000	(440.000.000.000)	100.000.000.000	100.000.000.000
Nhà hàng Thương mại Cổ phần Xăng Dầu Petrolimex	70.000.000.000	70.000.000.000	400.000.000.000	(470.000.000.000)	-	-
Nhà hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	63.000.000.000	63.000.000.000	197.669.000.000	(195.000.000.000)	65.000.000.000	65.000.000.000
Nhà hàng TNHH MTV Sankon Việt Nam	60.000.000.000	60.000.000.000	240.000.000.000	(240.000.000.000)	60.000.000.000	60.000.000.000
Nhà hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	28.393.013.713	28.393.013.713	328.589.133.751	(286.694.637.918)	60.267.599.526	60.267.599.526
Nhà hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	15.990.000.000	15.990.000.000	341.460.000.000	(357.268.000.000)	-	-
Nhà hàng Việt Nam Thịnh vượng	15.385.000.000	15.385.000.000	80.000.000.000	(95.385.000.000)	-	-
Nhà hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế	-	-	86.135.607.619	(86.135.607.619)	-	-
Nhà hàng Thương mại Cổ phần Việt Á	-	-	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-	-
Nhà hàng ANZ - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	165.579.800.000	(165.579.800.000)	-	-
Nhà hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông Việt Nam	-	-	300.000.000.000	-	300.000.000.000	300.000.000.000
Các cơ nhân	317.316.702.000	317.316.702.000	431.804.201.515	(401.548.602.000)	265.572.301.515	265.572.301.515
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	10.045.000.000	10.045.000.000	22.516.000.000	(5.757.000.000)	26.804.000.000	26.804.000.000
	1.131.686.128.041	1.131.686.128.041	4.489.345.672.583	(4.431.771.341.720)	1.189.268.458.096	1.189.268.458.096

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại với lãi suất thả nổi để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của công ty được trình bày như sau:

Ngân hàng	31/12/2015 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	31.000.000.000	Từ ngày 04 tháng 02 năm 2016 đến ngày 05 tháng 2 năm 2016	5,0	Hàng tồn kho
Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh	279.947.647.855	Từ ngày 07 tháng 3 năm 2016 đến ngày 28 tháng 6 năm 2016	5,5	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á- Chi nhánh Hồ Chí Minh	100.000.000.000	Từ ngày 08 tháng 3 năm 2016 đến ngày 25 tháng 3 năm 2016	7,0	Hàng tồn kho, Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 123 Hàng Vương, P.Hàng Châu II, Q.Hàng Châu, Đà Nẵng
Ngân hàng TNHH CTBC-Chi nhánh Hồ Chí Minh	65.669.000.000	Từ ngày 19 tháng 4 năm 2016 đến ngày 24 tháng 5 năm 2016	6,0 - 6,4	Hàng tồn kho có giá trị lên đến 2.000.000 Đô la Mỹ
Ngân hàng TNHH MỸ Shinhan Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh	60.000.000.000	Từ ngày 20 tháng 01 năm 2016 đến ngày 02 tháng 3 năm 2016	5,3 - 5,6	Hàng tồn kho
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	60.267.509.526	Từ ngày 09 tháng 01 năm 2016 đến ngày 29 tháng 02 năm 2016	5,0	Tin chấp
Trái phiếu- Ngân hàng, TMCP Phương Đông Việt Nam	300.000.000.000	Ngày 12 tháng 11 năm 2016	8,5	Cổ phiếu PNJ (*)
Vay có nhân	265.572.301.515	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2015 đến ngày 30 tháng 12 năm 2016	3,0-9,0	Tin chấp
Vay dài hạn đến hạn trả	26.804.000.000			
	1.189.260.458.896			

(*) Ngày 09 tháng 11 năm 2015, Công ty ký hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (gọi tắt là "OCB") về việc phát hành 300.000 trái phiếu theo mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu để cấu trúc lại các khoản vay ngắn hạn và đầu tư vào mở rộng các cửa hàng, được thế chấp bởi 14.530.017 cổ phiếu của Công ty. Kỳ hạn của trái phiếu là 01 năm từ ngày 12 tháng 11 năm 2015 đến ngày 12 tháng 11 năm 2016 với lãi suất cố định 8,5%/năm. Cổ phiếu được Công ty thế chấp bao gồm 9.498.714 cổ phiếu PNJ của Bà Cao Thị Ngọc Dung- Tổng Giám đốc, 623.996 cổ phiếu PNJ của Bà Nguyễn Thị Cúc- Phó Tổng Giám đốc, 748.800 cổ phiếu PNJ của Ông Lê Hữu Hạnh- Phó Tổng giám đốc, 1.610.106 cổ phiếu PNJ của Quỹ Công đoàn PNJ và 2.048.041 cổ phiếu PNJ của Bà Phạm Thủy Lan Anh- Cổ đồng.

22. VAY DÀI HẠN

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có lời/nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có lời/nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	78.128.000.000	78.128.000.000	34.730.000.000	(86.468.000.000)	26.370.000.000	26.370.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	59.001.000.000	59.001.000.000	215.774.000.000	(228.757.000.000)	46.018.000.000	46.018.000.000
Các cơ nhân	-	-	6.000.000.000	(6.000.000.000)	-	-
	137.129.000.000	137.129.000.000	256.484.000.000	(321.225.000.000)	72.388.000.000	72.388.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ dài hạn còn số dư chi tiết như sau:

Ngân hàng	31/12/2015 VND	Lãi suất năm %	Năm đào hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	41.660.000.000	6%	2020	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 52A+52B Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, TP.HCM, số 159A Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, TP.HCM; 577 Nguyễn Kiệm, Quận Phú Nhuận, TP.HCM, 174 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP.HCM
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	57.532.000.000	8,2%	2017	Quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 16, 18, 20 và 24/2 Đường Thủ Khoa Huân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	(26.804.000.000)			
	72.388.000.000			

Khoản phải trả dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	26.804.000.000	10.045.000.000
Trong năm thứ hai	28.194.000.000	78.128.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	44.194.000.000	59.001.000.000
	99.192.000.000	147.174.000.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh 21)	26.804.000.000	10.045.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	72.388.000.000	137.129.000.000

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn là trợ cấp thời việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008.

 10-002-C
 TRẦN
 T. T. T.
 NHỮNG
 ITTE
 NAM
 HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 31/12/2013	755.970.350.000	105.021.650.000	(7.090.000)	183.705.050.783	273.530.620.443	1.318.220.581.226
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	242.495.305.974	242.495.305.974
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(151.192.652.000)	(151.192.652.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014	-	-	-	-	(90.714.882.200)	(90.714.882.200)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	49.100.000.000	(49.100.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(22.285.541.431)	(22.285.541.431)
Số dư tại ngày 31/12/2014	755.970.350.000	105.021.650.000	(7.090.000)	232.805.050.783	202.732.850.786	1.296.522.811.569
Tăng vốn trong năm	226.775.420.000	(105.021.650.000)	-	(46.157.440.000)	(75.596.330.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	152.302.812.748	152.302.812.748
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(22.678.897.800)	(22.678.897.800)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	33.000.000.000	(33.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(26.797.181.000)	(26.797.181.000)
Trích quỹ khác	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	982.745.770.000	-	(7.090.000)	219.647.610.783	191.963.254.734	1.394.349.545.517

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 544/2015/NQ-DHĐCĐ-CTY ngày 15 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

- Chia Cổ tức năm 2014 với số tiền 188.990.819.000 đồng. Trong đó, Công ty đã chi tạm ứng đợt 1 trong năm 2014 với số tiền là 90.714.882.200 đồng; chi trả cổ tức bằng cổ phiếu thường là 75.596.330.000 đồng và chi trả bằng tiền mặt 22.678.897.800 đồng trong năm 2015. Trong năm, Công ty đã trả cổ tức với số tiền mặt là 22.678.897.800 đồng.

- Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khác với số tiền lần lượt là 33.000.000.000 đồng; 26.797.181.000 đồng và 5.000.000 đồng.

- Đồng thời, Cổ đông thông qua phương án phát hành thêm 22.677.542 cổ phần, trong đó 7.559.633 cổ phần tương ứng 75.596.330.000 đồng để trả cổ tức năm 2014 và 15.119.265 cổ phiếu tương ứng 151.192.650.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty hoàn thành thủ tục tăng vốn chủ sở hữu. Việc tăng vốn đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận theo Quyết định số 288/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 7 năm 2015.



CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cổ phần – Cổ phần phổ thông

	31/12/2015	31/12/2014
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	98.274.577	75.597.035
<i>Cổ phần phổ thông</i>	98.274.577	75.597.035
Số lượng cổ phiếu quỹ	(709)	(709)
<i>Cổ phần phổ thông</i>	(709)	(709)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	98.273.868	75.596.326
<i>Cổ phần phổ thông</i>	98.273.868	75.596.326

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn góp của chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn góp của chủ sở hữu đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận		Vốn đã góp	
	Đăng ký kinh doanh		31/12/2015	31/12/2014
	VND	%	VND	VND
Cao Thị Ngọc Dung	99.667.140.000	10,14%	99.667.140.000	76.667.040.000
Nguyễn Thị Cúc	9.424.960.000	0,96%	9.424.960.000	7.249.980.000
Nguyễn Vũ Phan	8.969.960.000	0,91%	8.969.960.000	6.899.980.000
Cổ đông khác	864.683.710.000	87,99%	864.683.710.000	665.153.350.000
Tổng cộng	982.745.770.000	100%	982.745.770.000	755.970.350.000

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ	Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
Đô la Mỹ	USD	68.831	8.382
Đô la Úc	AUD	519	30.006
Đô la Singapore	SGD	174	-

Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, nhận cầm cố, thế chấp

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận đang nhận cầm cố, thế chấp các sản phẩm trang sức vàng và đá quý có giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.302.900.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.554.300.000 đồng).

Nợ khó đòi đã xử lý

Trong năm, Ban Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi và xóa sổ các khoản nợ khó đòi sau:

	2015
	VND
Hồ Văn Mỹ	
Bùi Minh Kỳ	4.247.179.715
Khác	662.043.053
	4.909.222.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh phụ kiện thời trang, dịch vụ kiểm định. Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu, năm 2015 nhỏ hơn 1% (năm 2014 là 26%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 27 và số 28 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam (hoạt động xuất khẩu chiếm khoảng 0,03% doanh thu). Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

27. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán vàng và bạc	7.823.457.981.256	7.293.513.471.782
Doanh thu bán xăng dầu	-	1.968.961.904.427
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.491.258.304	20.613.001.351
Doanh thu bán phụ kiện	19.285.807.269	14.722.495.005
Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp	<u>(124.789.454.707)</u>	<u>(82.202.300.786)</u>
	<u>7.741.445.592.122</u>	<u>9.215.608.571.779</u>
Hàng bán trả lại	<u>(33.092.915.485)</u>	<u>(16.390.474.227)</u>
	<u>7.708.352.676.637</u>	<u>9.199.218.097.552</u>

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn vàng và bạc	6.520.722.575.159	6.406.635.018.755
Giá vốn xăng dầu	-	1.889.614.030.755
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.027.952.554	3.393.999.670
Giá vốn phụ kiện	13.234.479.236	10.339.492.458
	<u>6.537.985.006.949</u>	<u>8.309.982.541.638</u>

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	5.991.515.125.700	8.318.149.954.817
Chi phí nhân công	374.547.137.576	196.647.826.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.451.035.779	31.011.683.393
Chi phí công cụ dụng cụ	54.414.467.861	45.085.470.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.369.636.789	7.691.926.404
Chi phí bằng tiền khác	208.487.688.397	95.544.835.189
	<u>6.762.785.092.102</u>	<u>8.694.131.696.950</u>

01/2015
CHI N
CỔN
TCHNH
DEL
VIỆT
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Cổ tức nhận được	-	8.422.164.000
Lãi tiền gửi	230.025.045	9.907.458.935
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.081.780.830	409.104.517
Khác	16.054.507	768.978
	<u>1.327.860.382</u>	<u>18.739.496.430</u>

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	81.048.729.469	79.682.197.799
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	300.270.750.000	7.949.553.178
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	39.228.225.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.253.442.646	964.406.647
Khác	1.001.856.346	1.658.496.601
	<u>430.803.003.461</u>	<u>90.254.654.225</u>

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Chi phí vật liệu quản lý	21.656.836.175	10.290.686.002
Chi phí nhân viên	180.521.472.970	141.725.007.574
Chi phí đồ dùng văn phòng	28.524.688.354	19.952.029.634
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.039.449.304	3.174.188.316
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.457.335.542	92.462.542.845
Chi phí bằng tiền khác	95.730.530.123	87.349.577.574
	<u>423.930.312.468</u>	<u>354.954.031.945</u>

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Chi phí vật liệu quản lý	134.424.660	120.760.100
Chi phí nhân viên quản lý	66.302.994.075	68.719.031.778
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.294.172.298	4.970.040.568
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.300.718.453	5.967.671.880
Thuế, phí và lệ phí	260.977.200	167.344.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.627.138.663	4.073.426.517
Chi phí bằng tiền khác	29.627.797.836	45.600.457.756
	<u>117.548.223.185</u>	<u>129.618.733.552</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	46.596.055.972	79.455.050.132
	<u>46.596.055.972</u>	<u>79.455.050.132</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.575.489.218)	(293.307.944)
	<u>(1.575.489.218)</u>	<u>(293.307.944)</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới và số liệu của năm trước cũng được phân loại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm:

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	152.302.812.748	242.495.305.974
Ước tính trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban Điều hành	(19.970.696.275)	(31.797.181.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>132.332.116.473</u>	<u>210.698.124.974</u>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	98.273.868	98.273.868
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>1.347</u>	<u>2.144</u>

Trong năm 2015, Công ty đã phát hành thêm 22.677.542 cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền
Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	75.596.326
Ảnh hưởng của việc tăng thêm cổ phần từ lợi nhuận năm trước	22.677.542
Số đã điều chỉnh lại	98.273.868

36. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	68.388.253.744	37.340.047.682

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	61.519.354.281	50.895.130.269
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	162.681.151.732	120.774.255.680
Sau năm năm	84.933.286.000	61.506.640.000
	<u>309.133.792.013</u>	<u>233.176.025.949</u>

Thuê hoạt động chủ yếu là chi phí thuê liên quan đến 194 cửa hàng đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và 22 trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	1.261.648.458.896	1.268.815.128.041
Trừ: Tiền	<u>(37.884.639.212)</u>	<u>(37.706.071.196)</u>
Nợ thuần	1.223.763.819.684	1.231.109.056.845
Vốn chủ sở hữu	<u>1.394.349.545.517</u>	<u>1.296.522.811.569</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,88</u>	<u>0,95</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	37.884.639.212	37.706.071.196
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.317.691.896	54.854.039.298
Đầu tư tài chính ngắn hạn	65.000.000	65.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	84.691.750.000	450.342.875.000
Các khoản ký quỹ	21.217.170.462	13.588.573.996
	181.176.251.570	556.556.559.490
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.261.648.458.896	1.268.815.128.041
Phải trả người bán và phải trả khác	212.364.555.900	164.718.714.785
Chi phí phải trả	5.022.483.042	7.218.467.510
	1.479.035.497.838	1.440.752.310.336

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro phù hợp. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	11.531.962.091	10.281.528.188	27.715.094.254	124.890.783.407
Đô la Úc (AUD)	17.660	543.430.896	1.469.232.815	543.153.309
Đô la Hồng Kong (HKD)	-	2.825.400	-	-
Euro (EUR)	817.969.786	1.200.157.800	258.738.849	34.954.365.219
Đô la Singapore (SGD)	2.900.352	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 5%. Khi đó, Ban Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục bảng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ và Euro tăng/giảm 5% so với Đồng Việt Nam thì lợi nhuận trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 781.617.144 đồng (năm 2014: 7.418.017.982 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 19.352.969.178 đồng (năm 2014: 25.376.302.560 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	37.884.639.212	-	37.884.639.212
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.317.691.896	-	37.317.691.896
Đầu tư tài chính ngắn hạn	65.000.000	-	65.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	84.691.750.000	84.691.750.000
Các khoản ký quỹ	-	21.217.170.462	21.217.170.462
	75.267.331.108	105.908.920.462	181.176.251.570
Các khoản vay	1.189.260.458.896	72.388.000.000	1.261.648.458.896
Phải trả người bán và phải trả khác	211.960.887.900	403.668.000	212.364.555.900
Chi phí phải trả	5.022.483.042	-	5.022.483.042
	1.406.243.829.838	72.791.668.000	1.479.035.497.838
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.330.976.498.730)	33.117.252.462	(1.297.859.246.268)
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	37.706.071.196	-	37.706.071.196
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.854.039.298	-	54.854.039.298
Đầu tư tài chính ngắn hạn	65.000.000	-	65.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	450.342.875.000	450.342.875.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	-	13.588.573.996	13.588.573.996
	92.625.110.494	463.931.448.996	556.556.559.490
Các khoản vay	1.131.686.128.041	137.129.000.000	1.268.815.128.041
Phải trả người bán và phải trả khác	164.263.332.685	455.382.100	164.718.714.785
Chi phí phải trả	7.218.467.510	-	7.218.467.510
	1.303.167.928.236	137.584.382.100	1.440.752.310.336
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.210.542.817.742)	326.347.066.896	(884.195.750.846)

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp vì Công ty có một lượng hàng tồn kho là vàng, nữ trang có giá trị lớn và tính thanh khoản cao. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á**Mối quan hệ**Công ty liên kết
Bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

	2015 VND	2014 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	423.080.075	436.992.956
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	<u>3.499.947.727</u>	<u>5.313.662.665</u>
Cổ tức nhận được		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	<u>-</u>	<u>7.699.250.000</u>
Mua quyền sử dụng đất		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	<u>6.500.000.000</u>	<u>-</u>
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:		
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	<u>-</u>	<u>204.864.518</u>
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	<u>41.660.000.000</u>	<u>78.128.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>7.314.937.003</u>	<u>8.445.600.000</u>

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả trong năm bao gồm 3.751.936.495 đồng, là số tiền lãi vay phát sinh trong năm 2014 và không bao gồm 4.247.179.715 đồng là số chi phí lãi vay phát sinh trong năm mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả trong năm bao gồm 22.678.897.800 đồng, là số cổ tức phát sinh năm 2014 và không bao gồm 75.596.330.000 đồng là khoản cổ tức phát sinh trong năm dùng để tăng vốn.

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm này, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2014	Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau phân loại lại tại 31/12/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	2.166.580.633.869	-	2.166.580.633.869
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	234.599.264.879	(234.599.264.879)	-
1. Các khoản tương đương tiền	112	234.599.264.879	(234.599.264.879)	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	65.000.000	65.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	65.000.000	65.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	19.615.577.417	644.633.055	20.260.210.472
1. Các khoản phải thu khác (*)	136	19.615.577.417	(256.815.230)	19.358.762.187
2. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	901.448.285	901.448.285
IV. Hàng tồn kho	140	1.437.415.596.122	234.599.264.879	1.672.014.861.001
1. Hàng tồn kho	141	1.437.415.596.122	234.599.264.879	1.672.014.861.001
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	14.233.207.051	(14.233.207.051)	-
1. Tài sản ngắn hạn khác (*)	155	14.233.207.051	(14.233.207.051)	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	-	13.588.573.996	13.588.573.996
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	13.588.573.996	13.588.573.996
1. Phải thu dài hạn khác	216	-	13.588.573.996	13.588.573.996
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	460.716.988.400	(65.000.000)	460.651.988.400
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	460.716.988.400	(65.000.000)	460.651.988.400
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	1.268.815.128.041	-	1.268.815.128.041
I. Nợ ngắn hạn	310	1.131.686.128.041	-	1.131.686.128.041
1. Vay và nợ ngắn hạn (*)	311	1.131.686.128.041	(1.131.686.128.041)	-
2. Vay ngắn hạn	320	-	1.131.686.128.041	1.131.686.128.041
II. Nợ dài hạn	330	137.129.000.000	-	137.129.000.000
1. Vay và nợ dài hạn (*)	337	137.129.000.000	(137.129.000.000)	-
2. Vay dài hạn	338	-	137.129.000.000	137.129.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	232.805.050.783	-	232.805.050.783
I. Vốn chủ sở hữu	410	232.805.050.783	-	232.805.050.783
1. Quỹ dự phòng tài chính	415	66.734.153.783	(66.734.153.783)	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	166.070.897.000	66.734.153.783	232.805.050.783

(*) Những khoản mục này đã được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo mã số khác với mã số trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo năm 2014	Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau phân loại lại năm 2014
Thu nhập khác	31	2.668.838.792	(6.975.054)	2.661.863.738
Chi phí khác	32	1.586.537.533	(6.975.054)	1.579.562.479
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.208	(1.064)	2.144

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN

170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

	Mã số	Số đã báo cáo năm 2014	Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau phân loại lại năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tăng các khoản phải thu	09	7.375.121.156	(29.080.567.898)	(21.705.446.742)
Tăng hàng tồn kho	10	(200.616.510.016)	(426.566.326.840)	(627.182.836.856)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(16.901.659.736)	(28.673.145.559)	(45.574.805.295)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(89.466.539.837)</i>	<i>(263.622.580.167)</i>	<i>(353.089.120.004)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(35.309.851.585)	(434.805.822.403)	(470.115.673.988)
Tiền đầu năm	60	507.821.745.184	-	507.821.745.184
Tiền cuối năm	70	472.511.893.599	(434.805.822.403)	37.706.071.196



Dương Quang Hải
Người lập biểu



Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 3 năm 2016

